TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **25**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2017
V/v: Ly hôn giữa bà H và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ,TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Văn Trọng
2.Bà Huỳnh Thị Thuận

***-Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Duy Đạt -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ,tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ,tỉnh BRVT tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 10-7-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ,tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 24-4-2017 về tranh chấp "*Ly hôn,tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-05-2017,Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐ-HPT ngày 19-6-2017 và Quyết định thay đổi kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 03/QĐTĐ-KSV-VKS ngày 04-7-2017 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*:Bà Trần Kim H -sn:1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chổ ở: ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2.*Bị đơn*: Ông Dương Thanh T -sn:1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2017 và trong quá trình xét xử,nguyên đơn Bà Trần Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2003,được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103 ngày 12-6-2003. Sau khi lấy nhau bà H

và ông T chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông T nhậu về chửi bới, đánh đập bà H, ông T xúc phạm chửi bới cả cha mẹ bà H, vợ chồng không tự hòa giải được. Từ đầu năm 2017 bà H và ông T đã sống ly thân, bà H cảm thấy hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà H đề nghị được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: bà H và ông T có 02 con chung là Dương Yến N sinh ngày 07-8-2004 và Dương Minh T1 sinh ngày 23-02-2006. Hiện 02 con chung đang sống cùng bà H, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H làm nghề buôn bán tạp hóa, thu nhập mỗi tháng được 4.000000đ, vì vậy cũng đủ nuôi con ăn học, bà H không có chứng cứ gì để chứng minh cho thu nhập của mình.

Về tài sản chung và nợ chung:bà H và ông T có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 09-5-2017 và trong quá trình xét xử,bị đơn Ông Dương Thanh T trình bày:

Về hôn nhân:ông T thống nhất như lời trình bày của bà H về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẩn theo ông T là do nhà buôn bán tạp hóa nhưng khi cần không biết tìm bà H ở đâu nên khi nhậu về ông T có lớn tiếng chửi bà H nên có xảy ra cãi vả qua lại, ông T cảm thấy mâu thuẩn không có gì, vợ chồng có thể tự hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên từ khi xảy ra mâu thuẩn đầu năm 2017 vợ chồng không tự hòa giải được với nhau và đã ly thân. Ông T thấy mình còn yêu vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về nuôi con chung:ông T thống nhất như bà H trình bày. Từ khi ly thân các con chung do bà H nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì các con chung có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Ông T hiện đang làm nghề nông, không có ruộng đất, chủ yếu làm công cho người ta, thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung:ông T và bà H có nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS,t uy nhiên bị đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án tại các phiên hòa giải và

tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy hôn nhân giữa các bên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định mâu thuẩn giữa các bên là trầm trọng nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn là có cơ sở, các bên có 02 con chung và xét thấy bà H có thu nhập ổn định còn ông T thu nhập không ổn định và ông T có ý kiến là theo nguyện vọng của các con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi không yêu cầu cấp dưỡng nên giao 02 con chung cho bà H nuôi là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung là được sống cùng bà H và bà H cũng không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, ài sản chung và nợ chung thì các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*:Đây là quan hệ về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và bị đơn trú tại huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

[2]*Về yêu cầu*:

[2.1]*Về hôn nhân*:Hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 103 ngày 12-6-2003 (BL 04) nên là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Về mâu thuẩn vợ chồng theo bà H thì do ông T nhậu về chửi bới, đánh đập bà H, ông T xúc phạm chửi bới cả cha mẹ bà H, vợ chồng không tự hòa giải được. Từ đầu năm 2017 bà H và ông T đã sống ly thân, bà H cảm thấy hai bên không còn tình cảm, không còn quan tâm tới nhau nữa nên bà H đề nghị được ly hôn với ông T. Còn theo ông T là do nhà buôn bán tạp hóa nhưng khi cần không biết tìm bà H ở đâu nên khi nhậu về ông T có lớn tiếng chửi bà H nên có xảy ra cãi vả qua lại, ông T cảm thấy mâu thuẩn không có gì, vợ chồng có thể tự hàn gắn tình cảm với nhau. Tuy nhiên từ khi xảy ra mâu thuẩn đầu năm 2017 vợ chồng không tự hòa giải được với nhau và đã ly thân. Ông T thấy mình còn yêu vợ,thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Qua thực tế xác minh tại địa phương

nơi bà H và ông T sinh sống thể hiện vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn và người nhà cũng thừa nhận là vợ chồng đã sống ly thân, khi còn chung sống ông T nhậu về thường gây gỗ với bà H (BL 23,24,25) nên xét thấy vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẩn, không tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, đã sống ly thân nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của bà H là có cơ sở nên chấp nhận theo yêu cầu của bà H là được ly hôn với ông T.

[2.2]*Về nuôi con chung*:bà H và ông T có 02 con chung là Dương Yến N sinh ngày 07-8-2004 và Dương Minh T1 sinh ngày 23-02-2006 (BL 05 và 06). Hiện 02 con chung đang sống cùng bà H, việc này ông T và địa phương cũng xác nhận (BL 25,29). Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.Còn theo ông T thì các con chung có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, ông T không cấp dưỡng nuôi con và nguyện vọng của các con chung là được sống cùng bà H (BL 23,24) nên có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của bà H, điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83,84,116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]*Về tài sản chung*:bà H và ông T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]*Về nợ chung*:bà H và ông T có nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, nếu sau này các bên liên quan có tranh chấp sẽ được giải quyết thành 01 vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật, điều này phù hợp với quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]*Về án phí*:do là nguyên đơn nên bà H phải chịu án phí ly hôn theo loại án phí không có giá ngạch được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27,tiểu mục 1.1,Mục 1,Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]*Về quyền kháng cáo*:bà H và ông T được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẻ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Các Điều 56,57,59,60,81,82,83,84,116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-khoản 1 Điều 28,Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

-điểm a khoản 5 Điều 27,tiểu mục 1.1,Mục 1,Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu,miễn giảm,thu,nộp,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân:Bà Trần Kim H được ly hôn với Ông Dương Thanh T.

2.Về nuôi con chung:bà H và ông T có 02 con chung là Dương Yến N sinh ngày 07-8-2004 và Dương Minh T1 sinh ngày 23-02-2006. Hiện 02 con chung đang sống cùng bà H. Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà H, ông T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung:bà H và ông T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4.Về nợ chung:bà H và ông T có nợ chung nhưng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5.Về án phí:bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003433 ngày 24-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Diệp Lai